

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-03-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thanh - Ông Phan Đình Bảng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P – sinh ngày 20/8/1984.

Địa chỉ cư trú: Xóm 7, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn H – sinh ngày 05/9/1979.

Địa chỉ cư trú: Xóm 7, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị P và anh Trần Văn H cưới nhau vào tháng 7/2004, trước khi tiến tới hôn nhân, anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện. Chị P, anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 45 ngày 26/7/2004. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không phù hợp, chồng không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, tiền bạc, kinh tế làm ra chồng giữ sử dụng riêng, không đưa cho chị P để lo cho gia đình, con cái. Nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, lời qua tiếng lại với nhau, chị P đã nhiều lần góp ý nhưng anh H không sửa đổi, nhưng không mang lại kết quả gì, thậm chí mâu thuẫn ngày càng thêm tệ hơn. Mỗi lúc mâu thuẫn anh H

lại chửi bới vợ con, xúc phạm bên ngoài rất thậm tệ khó nghe. Sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải tại gia đình nhưng không mang lại kết quả gì. Do mâu thuẫn hết sức sâu sắc, nên vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt các quan hệ kể từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Chị P xác định đã mất hết tình cảm với chồng đã hết, hôn nhân đã thực sự đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có với nhau 02 con chung là cháu Trần Xuân H(Giới tính: nam), sinh ngày 18/01/2005 và cháu Trần Thị Thanh H(Giới tính: nữ), sinh ngày: 22/5/2007. Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung được chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không có trách nhiệm gì đối với con chung kể cả vật chất và tinh thần. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi hai con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị P không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không hợp tác để giải quyết, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến, trình bày của anh Trần Văn H để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị P cung cấp, xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung cơ bản đúng như chị P trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị P và anh Trần Văn H yêu cầu chị, anh có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh H không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Trần Thị P có mặt, bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị P, anh H. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị P có mặt, bị đơn anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Trần Thị P và anh Trần Văn H đảm bảo đúng quy định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị P và anh H là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45/2004 ngày 26/7/2004. Qua đó thấy hôn nhân giữa chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh H đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, một bên không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, bên chồng sống thiếu tình cảm, trách nhiệm với gia đình và vợ con chung. Do mâu thuẫn vợ chồng đã cự cãi, va chạm xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến mất hết tình cảm với nhau. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng dẫn đến hôn nhân đổ vỡ. Sau khi các bên sống ly thân cả vợ lẫn chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt quan hệ vợ chồng. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị P và anh H thực sự đổ vỡ, tan rã, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ, cần sự chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

[2] Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân, hai con chung của vợ chồng được chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh H về việc nuôi hai con chung, nhưng chị P vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt về nhiều mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Hai con chung của vợ chồng đều nguyện vọng được sinh sống trực tiếp với mẹ, nguyện vọng của các cháu là phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy chị P đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Trần Thị P.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị P không yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi hai con chung, nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến lúc có yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Trần Thị P phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Trần Xuân H (Giới tính: nam), sinh ngày 18/01/2005 và cháu Trần Thị Thanh H (Giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2007 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn H cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Trần Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Buộc chị Trần Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003290 ngày 23/01/2019 tại Chi cục Thị hành án Yên Thành. Chị Trần Thị Ph đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo; Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã B (nơi ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc